

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27456 / CTHN-TTHT  
V/v hướng dẫn thuế GTGT đối  
với hàng hóa bán mà điếm giao  
nhận ngoài Việt Nam.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH Materials Service Complex Việt Nam.  
(Địa chỉ: P610, tầng 6, Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng, 23 đường Phan Chu  
Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội  
- MST: 0109441436)

Trả lời công văn số 170621/CV-MSCV ghi ngày 17/06/2021 của Công ty  
TNHH Materials Service Complex Việt Nam vướng mắc về chính sách thuế,  
Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài  
chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP  
ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số  
điều Luật Thuế GTGT.

+ Tại Điều 9 hướng dẫn thuế suất GTGT 0% như sau:

"Điều 9. Thuế suất 0%

1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động  
xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải  
quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ  
các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều  
này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng  
cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung  
ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp  
cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

...  
a) Hàng hóa xuất khẩu bao gồm:

- Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả ủy thác xuất khẩu;
- Hàng hóa bán vào khu phi thuế quan theo quy định của Thủ tướng  
Chính phủ; hàng bán cho cửa hàng miễn thuế;
- Hàng hóa bán mà điếm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam;
- Phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc  
thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam;

...  
2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

- a) Đối với hàng hóa xuất khẩu:
  - Có hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu; hợp đồng ủy thác xuất  
khẩu;

- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.

Riêng đối với trường hợp hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam, cơ sở kinh doanh (bên bán) phải có tài liệu chứng minh việc giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam như: hợp đồng mua hàng hóa ký với bên bán hàng hóa ở nước ngoài; hợp đồng bán hàng hóa ký với bên mua hàng; chứng từ chứng minh hàng hóa được giao, nhận ở ngoài Việt Nam như: hóa đơn thương mại theo thông lệ quốc tế, vận đơn, phiếu đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ...; chứng từ thanh toán qua ngân hàng gồm: chứng từ qua ngân hàng của cơ sở kinh doanh thanh toán cho bên bán hàng hóa ở nước ngoài; chứng từ thanh toán qua ngân hàng của bên mua hàng hóa thanh toán cho cơ sở kinh doanh.

Ví dụ 48: Công ty A và Công ty B (là các doanh nghiệp Việt Nam) ký hợp đồng mua bán dầu nhờn. Công ty A mua dầu nhờn của các công ty ở Sin-ga-po, sau đó bán cho Công ty B tại cảng biển Sin-ga-po. Trường hợp Công ty A có: Hợp đồng mua dầu nhờn ký với các công ty ở Sin-ga-po, hợp đồng bán hàng giữa Công ty A và Công ty B; chứng từ chứng minh hàng hóa đã giao cho Công ty B tại cảng biển Sin-ga-po, chứng từ thanh toán tiền qua ngân hàng do Công ty A chuyển cho các công ty bán dầu nhờn ở Sin-ga-po, chứng từ thanh toán tiền qua ngân hàng do Công ty B thanh toán cho Công ty A thì doanh thu do Công ty A nhận được từ bán dầu nhờn cho Công ty B được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

...”

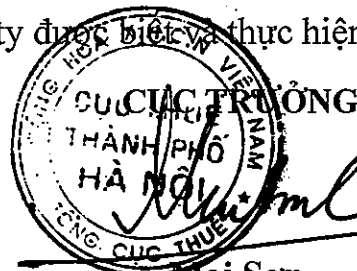
Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty TNHH Materials Service Complex Việt Nam mua hàng hóa của Công ty A tại Trung Quốc sau đó bán lại hàng hóa này cho Công ty B (doanh nghiệp tại Việt Nam), hàng hóa bán được giao nhận tại cảng Thượng Hải, Trung Quốc (ngoài Việt Nam); nếu Công ty TNHH Materials Service Complex Việt Nam (bên bán) có tài liệu chứng minh việc giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam theo quy định và đáp ứng các điều kiện tại điểm a khoản 2 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính thì thuộc trường hợp áp dụng thuế suất GTGT 0%.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, đơn vị có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với Phòng Thanh tra – Kiểm tra số 2 để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội thông báo Công ty được biết và thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT Nguyễn Tiên Trường;
- Phòng NVDTPC;
- Phòng TTKT 2;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT(2)



Mai Sơn

(7,3)